

Số: 11/2021/QĐST-DS

Đức Hòa, ngày 25 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 27/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp “hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N (N Bank).

Trụ sở: Số 201-203 C, Phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP N (Công ty AMC-N Bank).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Trọng T. Chức vụ: tổng giám đốc Công ty AMC

Ủy quyền lại cho: Anh Vũ Trọng H, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số 97 H, phường N, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Ấp Hòa Bình 2, xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ngân hàng TMCP N do anh Vũ Trọng H đại diện theo ủy quyền và ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H thống nhất số tiền ông C và bà H nợ Ngân hàng TMCP N tính đến ngày 3/2/2021 như sau: tiền gốc là 800.000.000 đồng; nợ lãi là 219.354.072 đồng.

- Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 1.019.354.072 đồng (trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng; nợ lãi là 219.354.072 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc là 800.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng ngày 10/6/2018 từ ngày 4/2/2021 đến ngày 2/5/2021. Thời gian trả vào ngày 3/5/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền gốc chậm trả theo Hợp đồng tín dụng ngày 10/6/2018 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H không thanh toán số tiền trên thì ông C và bà H có nghĩa vụ giao cho Ngân hàng TMCP N tài sản thế chấp là phần đất thuộc các thửa 727, 769, 770, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp Hòa Bình 2, xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và toàn bộ công trình kiến trúc tọa lạc trên thửa 727, TĐĐ số 7 (là căn nhà cấp 4 kết cấu tường xây gạch, mái lợp tole thiếc, nền lát gạch men) theo giấy chứng nhận QSDĐ số L 337617 do UBND huyện cấp ngày 27/8/1997; cập nhật biến động ngày 25/4/2013 mang tên Nguyễn Văn C để phát mãi thu hồi nợ.

- Về chi phí thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ. Ông C và bà H đã nộp xong.

- Về án phí:

Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H tự nguyện liên đới chịu 21.290.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 20.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007320 ngày 13/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hải An

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).